

TRƯỜNG THCS LẮNG THƯỢNG

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2 - TOÁN 6

NĂM HỌC 2017 - 2018

Dạng 1. Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính.

$$\text{a) } \left(\frac{136}{15} - \frac{28}{5} + \frac{62}{10} \right) \cdot \frac{21}{24}$$

$$\text{b) } B = \frac{2}{2.4} + \frac{2}{4.6} + \frac{2}{6.8} + \dots + \frac{2}{98.100}$$

$$\text{c) } 1\frac{3}{8} + \frac{1}{8} : \left(0,75 - \frac{1}{2} \right) - 25\% \cdot \frac{1}{2}$$

$$\text{d) } \left(\frac{142}{24} + \frac{41}{4} - \frac{54}{12} + \frac{63}{54} \right) \cdot \left(-\frac{1}{2} \right)^2$$

$$\text{e) } \left(\frac{3}{11} - \frac{5}{3} \right) \cdot \left(\frac{3}{4} - \frac{5}{8} \right) - \frac{4}{5} \cdot \frac{1}{24}$$

$$\text{f) } -1,6 : \left(1 + \frac{2}{3} \right)^2$$

Bài 2. Tính hợp lý

$$\text{a) } \left(6\frac{4}{9} + 3\frac{7}{11} \right) - 4\frac{4}{9}$$

$$\text{b) } 11\frac{3}{13} - \left(2\frac{4}{7} + 5\frac{3}{13} \right)$$

$$\text{c) } \frac{6}{25} \cdot \frac{7}{3} + \frac{19}{25} \cdot \frac{7}{3}$$

$$\text{d) } \left(\frac{1}{4} + \frac{-5}{13} \right) + \left(\frac{2}{11} + \frac{-8}{13} + \frac{3}{4} \right)$$

$$\text{e) } \frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$$

$$\text{f) } \frac{6}{7} + \frac{1}{7} \cdot \frac{2}{7} + \frac{1}{7} \cdot \frac{5}{7}$$

$$g) \left(\frac{1}{2013} + \frac{12}{2014} - \frac{123}{2015} \right) \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6} \right)$$

Bài 3. Tính giá trị biểu thức

$$A = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \frac{2}{11.13} + \frac{2}{13.15}$$

$$B = \frac{2}{2.4} + \frac{2}{4.6} + \frac{2}{6.8} + \dots + \frac{2}{98.100}$$

Dạng 2. Tìm x

Bài 1. Tìm x

$$a) \frac{x - 1}{9} = \frac{8}{3}$$

$$b) \left(\frac{3x}{7} + 1 \right) : (-4) = \frac{-1}{8}$$

$$c) x + \frac{7}{12} = \frac{17}{18} - \frac{1}{9}$$

$$d) 0,5x - \frac{2}{3}x = \frac{7}{12}$$

$$e) \frac{29}{30} - \left(\frac{13}{23} + x \right) = \frac{7}{46}$$

$$f) \left(x + \frac{1}{4} - \frac{1}{3} \right) : \left(2 + \frac{1}{6} - \frac{1}{4} \right) = \frac{7}{46}$$

$$g) \frac{13}{15} - \left(\frac{13}{21} + x \right) \cdot \frac{7}{12} = \frac{7}{10}$$

Lăng Chương

Đề cương

ÔN

A. Lý thuyết:

1. Quy tắc cộng, trừ, nhân hai số n
2. Quy tắc chuyển vế.
3. Tính chất cơ bản của phân số.
4. Quy tắc qui đồng mẫu số của nh
5. Quy tắc cộng, trừ, nhân, chia ph
6. Quy tắc tìm một số biết giá trị p
7. Quy tắc tìm tỉ số phần trăm của
8. Định nghĩa góc và số đo góc.

B. Bài tập

- Bài tập ôn tập chương III. Tr
- Bài tập 5; 6; 7; 8 trang 96 (S
- Bài tập bổ sung:

Dạng 1: Toán thực hiện phép

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $\left(\frac{136}{15} - \frac{28}{5} + \frac{62}{10} \right) \cdot \frac{21}{24}$

Bài 2. Tìm các số nguyên thỏa mãn x.y sao cho

a) $\frac{x}{3} = \frac{4}{y}$

b) $\frac{x}{y} = \frac{2}{7}$

Bài 3. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ thỏa mãn

a) $10 + |x - 2| = 19$

b) $|x + 3| < 5$

c) $3|x + 3| + 1 = 28$

Dạng 3. Toán đố.

Bài 1. Ba lớp cùng làm một công việc. Nếu là riêng, lớp 6A phải mất 5 ngày, lớp 6B phải mất 7 ngày, lớp 6C mất 10 ngày. Hỏi nếu làm chung thì hai ngày cả ba lớp làm được bao nhiêu phần công việc.

Bài 2. Khối 6 của một trường có 200 học sinh trong ssoa có 35% học sinh giỏi.

Số học sinh khá bằng $\frac{8}{7}$ soos hocj sinh gioir. Soos ocj sinh trung binh hwiwn soos hoc sinh yếu là 12em. Tính số học sinh mỗi loại

Bài 3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 20m, chiều dài bằng 1,5 chiều rộng

a) Tính diện tích mảnh vườn

b) Người ta lấy một phần mảnh vườn trồng cây ăn quả, biết rằng $\frac{2}{5}$ diện tích trồng cây ăn quả là $180m^2$. Tính diện tích trồng cây ăn quả.

c) Phần diện tích còn lại người ta trồng hoa. Hỏi diện tích trồng hoa chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích mảnh vườn

Dạng 4. Hình học

Bài 4. Cho tam giác ABC có $BC = 5cm$. Điểm M thuộc tia đối của tia CB sao cho $CM = 3cm$

a) Tính độ dài BM.

b) Cho biết góc $BAM = 80^\circ$ góc $BAC = 80^\circ$. tính góc CAM

c) Tính độ dài BK nếu K thuộc đoạn thẳng BM và $CK=1\text{CM}$

BÀI 2. Cho điểm M thuộc đường thẳng xy. Lấy điểm B thuộc tia Mx; điểm C thuộc tia My sao cho $MB = 3\text{cm}$; $MC = 2\text{cm}$.

a) Tính độ dài BC

b) Gọi O là điểm nằm ngoài đường thẳng BC. Kẻ đoạn OM;OB;OC. Tính độ lớn góc MOC nếu $BOC=90^\circ$; $BOM = 60^\circ$

BÀI 3. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox , xác định các tia Oz và Oy sao cho góc $xOy = 50^\circ$ và góc $xOz = 25^\circ$

a) Tia Oz có nằm giữa tia Ox và Oy không ? tại sao?

b) Vẽ Ot là tia đối của tia Ox. Tính góc yOt và zOt?

Bài 4. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox , vẽ các tia Ot và Oy sao cho góc $xOy = 30^\circ$ và góc $xOt = 70^\circ$

a) Tính góc yOt

b) Tia Oy có phải là tia phân giác của góc xOt không

c) Gọi Om là tia đối tia Ox . Tính mOt

d) Gọi tia On là tia phân giác của góc mOt. Tính góc nOy.

Bài 5. Nếu cách vẽ tam giác ABC biết :

a) $AB = 3\text{cm}$; $BC = 5\text{cm}$; $AC = 4\text{cm}$. Đo và cho biết số đo của góc A

b) $AB = 6\text{cm}$; $BC = 7\text{cm}$; $AC = 8\text{cm}$.

Đề cương ôn tập học kỳ

g) $\frac{13}{15} - \left(\frac{13}{21} + x \right) \cdot \frac{7}{12} = \frac{7}{10}$ h) $2 \left| \frac{1}{2}x - \frac{1}{3} \right| - \frac{3}{2} =$

Bài 2: Tìm các số nguyên $x; y$ sao cho: a)

Bài 3: Tìm $x \in \mathbb{Z}$ thoả mãn: a) $10 + |x - 2| =$

Dạng 3: Toán đố:

Bài 1: Ba lớp cùng làm một công việc. Nếu lớp 6C 10 ngày. Hỏi nếu làm chung thì hai n

Bài 2: Khối 6 của 1 trường có 200 học sinh bằng $\frac{8}{7}$ số học sinh giỏi. Số học sinh trung b

mỗi loại.

Bài 3: Một mảnh vườn hình chữ nhật có ch

a) Tính diện tích mảnh vườn.

b) Người ta lấy một phần đất vườn để trồ

quả là $180m^2$. Tính diện tích trồng cây ăn qu

c) Phần diện tích còn lại người ta trồng h

trăm diện tích mảnh vườn.

Dạng 4: Hình học.

Bài 1: Cho

Bài 6. Vẽ đường tròn (O,3cm). Vẽ điểm M nằm trên đường tròn, điểm N nằm ngoài đường tròn. So sánh OM, ON với R.

Dangj5. Một số bài toán nâng cao.

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức .

$$a) \left(1 - \frac{1}{3}\right) \left(1 - \frac{1}{6}\right) \left(1 - \frac{1}{10}\right) \dots \left(1 - \frac{1}{780}\right)$$

$$b) \frac{2^4}{7.15} + \frac{2^4}{15.23} + \frac{2^4}{23.31} + \dots + \frac{2^4}{55.63} - \frac{6.(-14) - 17.(-7).(-2)}{-22.28}$$

Bài 2. So sánh A và B.

$$a) A = \frac{2003.2004 - 1}{2003.2004} \text{ và } B = \frac{2004.2005 - 1}{2004.2005}$$

$$b) A = \frac{10^{25} + 1}{10^{26} + 1} \text{ và } B = \frac{10^{26} + 1}{10^{27} + 1}$$

Bài 4. Chứng tỏ tổng sau nhỏ hơn 1.

$$a) \frac{3}{4} + \frac{3}{4.7} + \frac{3}{7.10} + \dots + \frac{3}{40.43}$$

$$b) \frac{6}{2.5} + \frac{6}{5.8} + \frac{6}{8.11} + \dots + \frac{6}{29.32}$$

Bài 5. Cho các biểu thức $A = \frac{2n+7}{n-4}$ ($n \neq 4$) và $B = \frac{4}{n-3}$ ($n \neq 3$)

Tìm giá trị nguyên của n để A, B có giá trị nguyên

Bài 6.

Tìm các số tự nhiên n để các ohaan số sau là tối giản

$$A = \frac{2n+3}{4n+1}; B = \frac{3n+2}{7n+1}; C = \frac{8n+193}{4n+3}$$

Đề cương ôn tập

a) $AB = 3\text{cm}$; $BC = 5\text{cm}$; $AC =$

b) $AB = 6\text{cm}$; $BC = 7\text{cm}$; $AC =$

Bài 6: Vẽ đường tròn $(O; 3\text{cm})$. Vẽ đường tròn. So sánh OM, ON với R .

Dạng 5: Một số bài tập nâng cao

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức:

a) $\left(1 - \frac{1}{3}\right)\left(1 - \frac{1}{6}\right)\left(1 - \frac{1}{10}\right) \dots \left(1 - \frac{1}{780}\right)$

b) $\frac{2^4}{7.15} + \frac{2^4}{15.23} + \frac{2^4}{23.31} + \dots + \frac{2^4}{55.63}$

Bài 2: So sánh các phân số: a) $\frac{21}{37}$

Bài 3: So sánh A và B biết:

a) $A = \frac{2003.2004 - 1}{2003.2004}$ và $B = \frac{2004.2005}{2004.2006}$

Bài 4: Chứng tỏ tổng sau nhỏ hơn 1.

$$S_1 = \frac{3}{4} + \frac{3}{4.7} + \frac{3}{7.10} + \dots + \frac{3}{40.43}$$

Bài 5: Cho các biểu thức: $A = \frac{2n}{n}$

Tìm giá trị nguyên của n để A ,

Bài 6: Tìm các số tự nhiên n để các p

ĐỀ THAM KHẢO

Đề tham khảo.

I. Trắc nghiệm : chọn đáp án đúng.

Câu 1. Cho biểu thức $M = \frac{5}{n - 3}$ để M là phân số thì :

A. $n=3$

B. $n \neq 3$

C. $n < 3$

D. $n > 3$

câu 2. Cho $\frac{15}{x} = \frac{-3}{4}$ khi đó $x =$

A. -20

B. 20

C. 63

D. 57

Caau3. Cho góc $xOy = 70$. Om là tia phân giác thì số đo xOm là

A. 35

B. 140

C. 40

D. Một kết quả hác.

Caau4.co góc $aOb = 105$, $bOc=75$. Khi đó hai góc là :

A. Kề bù

B. Kề nhau

C. Bù nhau

D. Phụ nhau

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính nhanh

$$A = \frac{1}{2} - \left(7 + \frac{1}{2} \right)$$

$$B = \frac{4}{5} \cdot \frac{5}{2} - \frac{4}{5} \cdot \frac{1}{2} + \frac{1}{3}$$

$$C = 40\% - 1\frac{5}{7} \cdot \frac{3}{4} - 4,5 : 2\frac{1}{4}$$

$$D = \left(6\frac{4}{9} + 3\frac{7}{11} \right) - 4\frac{4}{9}$$

BÀI 2. Tìm x.

$$a) \frac{3}{5}x - \frac{1}{7} = \frac{10}{70}$$

$$b) 19.(x + 0,25) - 1\frac{1}{3} = 25\%$$

$$c) \frac{1}{2}x + \frac{2}{3}x = \frac{1}{3}$$

Bài 3. Trong kho nhà bác An có 300kg thóc. Ngày thứ nhất bác An bán đi $\frac{1}{5}$ số thóc. $\frac{1}{2}$ số thóc bán được trong ngày thứ hai là 50 kg. Ngày thứ 3 bác an bán được 25% số thochs còn lại .

a) Tính số thóc bác An bán được trong ngày thứ nhất ?

b) Tính số thóc bác An bán được trong ngày thứ hai ?

c) Sau 3 ngày , trong kho còn bao nhiêu kg thóc?

Bài 4. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Oa vẽ hai tia Ob và Oc sao cho $\angle Ob = 40^\circ$ và $\angle Oc = 100^\circ$.

a) Chứng tỏ ta OB nằm giữa Oa và Oc. Tính số đo góc $\angle Oc$?

b) Tia Ob có là tia phân giác của góc $\angle Oc$ không ? vì sao?

c) Vẽ Om là tia đối tia OA. Tính số đo góc kề bù với góc $\widehat{aOc}$?

d) Vẽ On là tia phân giác góc mOc. Hãy so sánh góc $\widehat{aOc}$ và góc bOn?

Bài 5. Tìm số tự nhiên n biết :

$$\frac{4}{3.5} + \frac{8}{5.9} + \frac{12}{9.15} + \dots + \frac{32}{n.(n+16)} = \frac{16}{25}$$

$$B = \frac{4}{5} \cdot \frac{5}{2} - \frac{4}{5} \cdot \frac{1}{2} + \frac{1}{3}$$

$$D = \left(6\frac{4}{9} \right)$$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x biết:

a) $\frac{3}{5}x - \frac{1}{7} = \frac{10}{70}$

b) $19 \cdot (x + 0,25)$

Bài 3 (1,5 điểm): Trong kho nhà bác An có

$\frac{1}{2}$ số thóc bán được trong ngày thứ hai là 50
lại.

a) Tính số thóc bác An bán được trong

b) Ngày thứ hai bác An bán được bao nhiêu

thóc. Biết rằng ngày bán hàng, trong kho